

Số: 375/TB-CCTHADS

Tân Trụ, ngày 04 tháng 4 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả chọn tổ chức thẩm định giá tài sản kê biên**

Căn cứ điểm khoản 2 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Bản án số 144/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 210/QĐ-CCTHADS ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 211/QĐ-CCTHADS ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 04/QĐ-CCTHADS ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 29/02/2024;

Do đương sự có yêu cầu định giá lại tài sản. Ngày 01/4/2024 Chi cục THADS huyện Tân Trụ có Thông báo số 350/TB-THADS về việc chọn tổ chức thẩm định giá tài sản kê biên đăng trên Cổng thông tin điện tử Tổng cục THADS và Cục THADS tỉnh Long An.

Nay, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án như sau:

**Tài sản thẩm định giá:**

- Thừa đất số **153**, tờ bản đồ số **15**, diện tích **3.312,2 m<sup>2</sup>**, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất ấp Nhựt Hòa, xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 290246, số vào sổ cấp GCN: CH10482 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cấp ngày 16/01/2015 cho ông Lương Minh Kiệt (chuyển nhượng cho ông Trương Thanh Phong ngày 11/01/2018).

- Diện tích đo đạc thực tế **3.161,4 m<sup>2</sup>** (Theo mảnh trích đo địa chính số: **25-2024** ngày **01** tháng **02** năm **2024** của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Trụ Duyệt ngày **02/02/2024**).

Trong đó:

- Diện tích ngôi miếu là: **25,2m<sup>2</sup>**

- Diện tích thuộc phạm vi vùng phụ cận bảo vệ rạch là: **92,4m<sup>2</sup>**

- Diện tích thuộc phạm vi vùng phụ cận bảo vệ rạch Ông Cai là: **203,7m<sup>2</sup>**

Phân đất kê biên có vị trí tiếp giáp:



- Đông giáp: Rạch
- Tây giáp: thửa số 154
- Nam giáp: thửa số 402,152,652,653,654
- Bắc giáp: Rạch Ông Cai

**\* Thửa đất trên không có lối đi riêng**

**Tổ chức thẩm định giá đăng ký:**

01 hồ sơ của Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn và định giá Châu Thành-Long An, địa chỉ: số 07, Phạm Thị Đâu, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

**Tổ chức thẩm định giá đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật được lựa chọn:**

Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn và định giá Châu Thành-Long An, địa chỉ: số 07, Phạm Thị Đâu, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ thông báo.

**Nơi nhận:**

- Cục THADS tỉnh  
(đăng trên cổng TTĐT Cục THADS và TC. THADS);
- Lưu VT, HS.THA

**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Phạm Văn Hùng**



## I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN:

1. Tên, địa chỉ tổ chức Thẩm định giá được lựa chọn: Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn và định giá Châu Thành-Long An, địa chỉ: số 07, Phạm Thị Đầu, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. Tổng số điểm của tổ chức Thẩm định giá được lựa chọn: 89

## II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM: 89/100 điểm

ST T	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	CN Công ty TNHH Tư vấn và định giá Châu Thành-Long An (Điểm đạt được)	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG</b>		<b>100</b>	<b>89</b>	
<b>I</b>	<b>Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)</b>		<b>15</b>	<b>15</b>	
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài Chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ giá định giá tài sản	<b>Có 02 chi nhánh trở lên</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
		Chỉ có 01 chi nhánh	4		
		Không có chi nhánh	3		
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề	<b>Trên 07 thẩm định viên</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	Thông báo của Bộ tài chính về việc điều chỉnh danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá
		Từ 05 đến 07 thẩm định viên	4		
		Dưới 05 thẩm định viên	3		



					tài sản hàng năm
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá	<b>Trên 05 năm</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
		Từ 03 đến 05 năm	5		
		Dưới 03 năm	4		
<b>II</b>	<b>Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)</b>		<b>60</b>	<b>59</b>	
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá	<b>Trên 30 hồ sơ</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	
		Từ 20 đến 30 hồ sơ	14		
		Dưới 20 hồ sơ	13		
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá	<b>Không bị xử phạt vi phạm hành chính</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính	9		
		Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong	8		
		Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính	0		
3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá	<b>Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
		Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	4		
		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	3		
4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá	<b>Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	
		Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc	9		
		Trên 05 ngày làm việc	8		
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá	<b>Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	
		Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu	9		
		Không có phần mềm	0		



6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ tài chính công bố	Từ 80 điểm trở lên	10		
		<b>Từ 70 đến dưới 80 điểm</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	
		Từ 60 đến dưới 70 điểm	8		
<b>III</b>	<b>Năng lực tài chính</b>		<b>15</b>	15	
1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của công ty		<b>5</b>	<b>5</b>	
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây	<b>Thấp nhất trong số các hồ sơ đăng ký</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
		Thấp thứ 2	4		
		Thấp thứ 3	3		
		Thấp thứ 4	2		
		Thấp thứ 5 trở đi	1		
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất	<b>Trên 5 tỷ/năm</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
		Từ 3- 5 tỷ/năm	4		
		Từ 1- 3 tỷ/năm	3		
		Dưới 1 tỷ/năm	2		
<b>IV</b>	<b>Tiêu chí khác ( doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương..)</b>		<b>10</b>		

**Nơi nhận:**

- Trang TTĐT Tổng Cục THADS;
- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Long An;
- CN Công ty TNHH Tư vấn và định giá Châu Thành-Long An;
- Lưu: VT, HSTHA.

**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Phạm Văn Hùng**



